

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 739/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Yến N, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 14/4/3 đường Nguyễn Thị N, phường BT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số 1041/62/144/4A Trần Xuân S, phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lâm Hoài T, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp Nguyễn Công M A, xã ATĐ, huyện Cù Lao D, tỉnh ST; tạm trú: Số 23/17 Đường số 1, Kp2, phường BT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T xác lập quan hệ hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015, Quyền I/BT đăng ký tại UBND phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 03/3/2015).

Quá trình chung sống giữa bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung:

Căn cứ vào giấy khai sinh số 130/2015, Quyền số I/BT ngày 09/6/2015, tại UBND phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của các đương

sự, có đủ cơ sở xác định bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T có 01 người con chung, họ tên là Lâm Khả H, sinh ngày 10/4/2015.

Bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T thỏa thuận giao con chung là Lâm Khả H cho bà Trần Yến N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lâm Hoài T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thi hành việc cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T không có nợ chung.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T phải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật lệ phí, án phí của Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015, Quyền I/BT đăng ký tại UBND phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 03 tháng 3 năm 2015).

1.2. Về con chung:

Bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T có 01 người con chung, họ tên là Lâm Khả H, sinh ngày 10/4/2015.

Giao trẻ Lâm Khả H cho bà Trần Yến N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lâm Hoài T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thi hành việc cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Lâm Hoài T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Lâm Hoài T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông Lâm Hoài T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T không có tài sản chung.

1.4 Về nợ chung: Bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T không có nợ chung.

1.5. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.0000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0041891 ngày 01/12/2020 của Chi cục

Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM. Vậy, bà Trần Yến N và ông Lâm Hoài T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (T).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Trang